

Bản án số: 245/2023/KDTM-PT
Ngày 23/11/2023
V/v “*Tranh chấp về nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 tháng 9, 16 và 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 157/2023/TLPT-KDTM ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2023/KDTM-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 491/2023/QĐ-PT ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 614/2023/QĐ-PT ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần H

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; có mặt

Đồng nguyên đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ liên lạc: phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn V – Giám đốc; có mặt

-Bị đơn: Công ty cổ phần T

(tên cũ: Công ty cổ phần D)

Địa chỉ: phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Khu D. Địa chỉ: phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn M – Tổng giám đốc; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần H và Công ty TNHH X (gọi tắt là Liên danh) ký kết hợp đồng số 12/HĐGNTP/HSC/2015 ngày 30 tháng 10 năm 2015 với Công ty cổ phần D (nay là Công ty cổ phần T) về việc thi công san lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng, các hạng mục xây dựng cao tầng, thấp tầng, v.v... tại Dự án Khu du lịch N, địa chỉ: xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Văn V là đại diện Công ty TNHH X đã nộp 800.000.000 đồng (theo Phiếu thu ngày 4 tháng 11 năm 2015) và ông Trần Anh T là đại diện Công ty cổ phần H nộp thêm 50.000.000 đồng là tiền bảo lãnh cho Công ty cổ phần D (chưa lập phiếu thu) theo khoản 1 Điều 4 hợp đồng ghi: giá trị tạm tính giao giai đoạn 1 là 20.000.000.000 đồng để tính tiền nộp quỹ bảo lãnh.

Liên danh khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T thanh toán như sau:

(1) Chi phí xây dựng tổng giá trị: 7.795.661.794 đồng, cụ thể:

+ Nhà nghỉ cuối tuần 1: 3.248.808.000 đồng

+ Nhà nghỉ cuối tuần 2: 3.849.260.000 đồng

+ Làm đường bê tông từ cổng vào: 429.623.000 đồng

+ Sửa chữa Nhà Rông - Nhà cổ - Chuyển dọn vườn: 267.970.794 đồng

(2) Chi phí tư vấn khảo sát và quản lý dự án, giám sát thi công: 361.800.987 đồng, cụ thể:

+ Nhà nghỉ cuối tuần 1: 170.890.567 đồng

+ Nhà nghỉ cuối tuần 2: 190.910.420 đồng

(3) Tính từ tháng 07 năm 2016 đến tháng 12 năm 2021 (64 tháng) x lãi suất chậm thanh toán 1%/tháng: 9.007.462.781 đồng x 64% = 6.664.776.040 đồng

Tổng cộng (1)(2)(3) là: 15.672.238.758 đồng.

Từ năm 2016, một số hạng mục thi công xong đã bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng nhưng vẫn chưa thanh toán tiền như: nhà nghỉ cuối tuần 1, nhà nghỉ cuối tuần 2; làm đường bê tông từ cổng vào; sửa chữa nhà rông, nhà cổ, chuyển dọn vườn. Năm 2018, đại diện Liên danh có 03 văn bản gửi cho ông Phan Văn M - Tổng giám đốc Công ty cổ phần T yêu cầu thanh toán, mặc dù chủ đầu tư có văn bản cam kết thanh toán nhưng vẫn có tình lảng tránh, chưa trả tiền. Ngoài ra, Công ty cổ phần T còn nợ nhiều đơn vị thi công khác trong nhiều năm trước cũng chưa được thanh toán, tự đưa các nhà thầu khác vào thi công các hạng mục: làm đường giao thông và khu nhà kinh doanh cà phê vi phạm hợp đồng. Liên danh phải huy động cổ đông góp vốn, vay các tổ chức tín dụng và vay tư nhân để có vốn thi công, gặp rất nhiều khó khăn để giải quyết công nợ và thanh toán tiền vật tư, vật liệu cho công trình và lãi suất phát sinh từ năm 2016.

Công ty TNHH X là đơn vị trực tiếp thi công, có biên bản nghiệm thu xác nhận với chủ đầu tư Công ty cổ phần D, thống nhất với Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T (tên cũ Công ty cổ phần D) yêu cầu thanh toán theo hợp đồng số 12/HĐGNTP/HSC/2015 ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Liên danh với Công ty cổ phần D. Theo bảng phân chia tỷ lệ thực hiện hợp đồng ngày 30/10/2015, Công ty TNHH X đảm nhiệm thi công toàn bộ hạng mục của dự án, đầu tư toàn bộ vật tư, vật liệu nhân công để thực hiện dự án và thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng công trình của dự án với chủ đầu tư, còn Công ty cổ phần H quản lý, giám sát thi công và thanh toán phần giá trị quản lý dự án, giám sát với chủ đầu tư.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Xác nhận ký kết, thực hiện hợp đồng số 12/HĐGNTP/HSC/2015 ngày 30 tháng 10 năm 2015 với Liên danh Công ty cổ phần H - Công ty TNHH X xây dựng các hạng mục công trình, đã có biên bản nghiệm thu theo như nguyên đơn trình bày. Từ tháng 5/2020, Công ty cổ phần T không còn hoạt động ở trụ sở quận Đ, thành phố Hà Nội mà chuyển về giao dịch tại Dự án Khu D, P, Thái Nguyên, nhưng chưa thay đổi bổ sung giấy chứng nhận doanh nghiệp. Liên danh đang quản lý 2 biệt thự xây dựng qua 6 năm mà không bàn giao cho Công ty cổ phần T. Đề nghị công ty thi công có phương án khắc phục hậu quả do tài sản xuống cấp nghiêm trọng và bàn giao hai nhà nghỉ cuối tuần để đưa vào khai thác sử dụng. Công ty cổ phần T yêu cầu phải có chứng từ hoàn công thanh toán, để chứng minh số tiền theo khởi kiện. Hợp đồng tổng thầu kí là 100 tỷ đồng từ năm 2015-2020, giai đoạn 1 liên danh cam kết đầu tư được vài tỷ chưa kiểm chứng, đề nghị liên danh bàn bạc đầu tư thi công tiếp hoặc thanh lý hợp đồng, bàn giao hồ sơ thanh quyết toán, để chủ đầu tư có cơ sở thanh toán.

Tòa án tiến hành xem xét tài sản tại chỗ của Dự án Khu D, P, Thái Nguyên cho thấy liên danh đã thi công xong các hạng mục theo hợp đồng xây dựng. Ông Phan Văn M cho rằng một phần dự án đã sử dụng làm phim trường và có 02 nhà nghỉ

cuối tuần bên thi công đã khóa cửa không sử dụng được, cần định giá lại 02 nhà nghỉ để xác định thiệt hại cho chủ đầu tư.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2022, Công ty cổ phần T cam kết thanh toán đầy đủ cho bên thi công theo hợp đồng, nhưng đề nghị xem xét lại giá trị hai nhà nghỉ để có căn cứ thanh toán, do hai nhà nghỉ khóa cửa và xuống cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho chủ đầu tư. Công ty sẽ tự liên hệ tổ chức định giá và không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Công ty TNHH X trình bày là bên thi công ký kết hợp đồng trực tiếp với Công ty cổ phần D nằm trong gói thầu thi công nói chung và theo bảng phân chia tỷ lệ thực hiện hợp đồng của liên danh ngày 30/10/2015. Công ty TNHH X giữ nguyên yêu cầu Công ty cổ phần T phải thanh toán toàn bộ về phần thi công hạng mục của dự án, đầu tư vật tư, vật liệu, nhân công, cụ thể: xây lắp nhà nghỉ cuối tuần 1: 3.248.808.000 đồng; xây lắp nhà nghỉ cuối tuần 2: 3.849.260.000 đồng; sửa chữa nhà rông, nhà cổ và chuyển dọn vườn chi phí 267.970.794 đồng; làm đường bê tông từ cổng vào giá trị 429.623.000 đồng; cộng lãi chậm trả từ tháng 7/2016 đến thời điểm xét xử là 78 tháng x 1%/tháng và nhận lại số tiền 800.000.000 đồng bảo lãnh.

Công ty cổ phần H vắng mặt không rõ lý do, nên Công ty TNHH X đề nghị đối với khoản thanh toán phần giá trị quản lý dự án, giám sát của Công ty cổ phần H giải quyết sau. Ngoài ra nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Công ty cổ phần T giữ nguyên ý kiến trình bày tại Tòa án, không chấp nhận thanh toán bởi bên Công ty TNHH X thi công không đạt chất lượng, tự đóng cửa hai nhà nghỉ để hư hại, xuống cấp nên chủ đầu tư đồng ý định giá nhà nghỉ trị giá còn lại khoảng 2 tỷ đồng. Chủ đầu tư không đưa vào sử dụng được gây thiệt hại nghiêm trọng, và giai đoạn đầu gói thầu là 20 tỷ đồng nhưng bên thi công chưa thực hiện xong là vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa, đại diện Công ty cổ phần T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh rõ thêm.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2023/KDTM-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146 Luật xây dựng 2014; khoản 2 Điều 43 Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1- Chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty cổ phần T (tên cũ Công ty cổ phần D) về giá trị thi công xây dựng và tiền phạt chậm trả theo hợp đồng.

2- Công ty cổ phần T (tên cũ Công ty cổ phần D) phải trả 15.300.277.993 đồng (mười lăm tỷ, ba trăm triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng chẵn) cho Công ty TNHH X.

3- Đình chỉ xem xét giải quyết đối với Công ty cổ phần H về quản lý dự án, giám sát theo phân chia tỷ lệ thực hiện hợp đồng; dành quyền khởi kiện lại cho Công ty cổ phần H đối với Công ty cổ phần T để giải quyết trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

4- Về án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 123.310.000 đồng; Trả lại 61.120.000 đồng cho Công ty TNHH X tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (theo Biên lai số 0069535 ngày 24-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Công ty cổ phần T và Công ty TNHH X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty cổ phần H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại, vì bản án sơ thẩm đã buộc Công ty cổ phần T trả tiền cả gốc và lãi cho nguyên đơn là không đúng vì không có cơ sở; bản án sơ thẩm đã xem xét không đầy đủ, khách quan, toàn diện nên bỏ qua yêu cầu và quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần T, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2023/KDTM-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo hướng về thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán bắt đầu kể từ ngày 01/01/2017. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, Công ty cổ phần T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần H và Công ty TNHH X với Công ty cổ phần T phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần T có địa chỉ tại phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 30 tháng 10 năm 2015, Công ty cổ phần H và Công ty TNHH X đã ký kết với Công ty cổ phần D (nay là Công ty cổ phần T) hợp đồng số 12/HĐGNTTP/HSC/2015 ngày 30/10/2015 có nội dung thi công san lấp, xây dựng cơ sở hạ tầng, các hạng mục xây dựng cao tầng, thấp tầng...tại dự án Khu D, địa chỉ: xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2015, Công ty cổ phần H và Công ty TNHH X có bảng phân chia tỷ lệ thực hiện hợp đồng, cụ thể: Công ty TNHH X đảm nhiệm thi công toàn bộ hạng mục của dự án, đầu tư toàn bộ vật tư, vật liệu nhân công để thực hiện dự án và thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng công trình với chủ đầu tư, còn

Công ty cổ phần H quản lý, giám sát thi công và thanh toán phần giá trị quản lý dự án, giám sát với chủ đầu tư.

Công ty TNHH X đã thi công xong các hạng mục theo biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình, có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty cổ phần D, kèm theo bảng tổng hợp giá trị thực hiện hạng mục công trình. Cụ thể: Giá trị xây lắp nhà nghỉ cuối tuần 1 là 3.248.808.000 đồng; Giá trị xây lắp nhà nghỉ cuối tuần 2 là 3.849.260.000 đồng; Sửa chữa nhà rông, nhà cổ, chuyên dọn vườn 267.970.794 đồng; Làm đường bê tông từ cổng vào giá trị 429.623.000 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH X còn nộp 800.000.000 đồng tiền bảo lãnh cho Công ty cổ phần D.

Án sơ thẩm buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền nợ gốc 8.595.661.794 đồng là đúng pháp luật.

Đối với nợ lãi do chậm thanh toán: Căn cứ nội dung của hợp đồng số 12/HĐGNTTP/HSC/2015 ngày 30/10/2015, hợp đồng số 20/2015/HĐ-XD ngày 30/11/2015 và hợp đồng thi công xây dựng số 02/2016/HĐ-XD ngày 19/01/2016 thì thời điểm Công ty cổ phần T vi phạm nghĩa vụ từ tháng 7/2016. Công ty cổ phần T cũng thừa nhận thời điểm công trình hoàn thành là ngày 20/7/2016 và chỉ có ý kiến rằng Công ty TNHH X đã không bàn giao cho Công ty cổ phần T khai thác, sử dụng. Nhận thấy: Từ năm 2016 các bên đã ký biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình, bị đơn đồng ý ký nhận bàn giao công trình và không có ý kiến gì khác. Đến khi nguyên đơn khởi kiện năm 2022, bị đơn mới đề cập việc nguyên đơn không bàn giao chìa khóa công trình nhưng không đưa ra chứng cứ, tài liệu chứng minh và không có yêu cầu phản tố tại cấp sơ thẩm. Mặt khác Công ty cổ phần T đã ký quyết toán công trình, xác nhận nghiệm thu, không có ý kiến phản hồi về khối lượng, chất lượng công trình, đồng thời ký giấy cam kết thanh toán cho Công ty TNHH X, nhưng không thanh toán là vi phạm hợp đồng.

Án sơ thẩm căn cứ buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền nợ lãi 6.704.616.199 đồng do chậm thanh toán là có căn cứ.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Về án phí: Công ty cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 146 Luật xây dựng 2014

Áp dụng Điều 43 Nghị Định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T
- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2023/KDTM-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận nội dung khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty cổ phần T (tên cũ: Công ty cổ phần D).

2. Buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty TNHH X:

- Nợ gốc: 8.595.661.794 đồng

- Nợ lãi: 6.704.616.199 đồng

Tổng: 15.300.277.993 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ xem xét giải quyết đối với Công ty cổ phần H về quản lý dự án, giám sát theo phân chia tỷ lệ thực hiện hợp đồng.

Dành quyền khởi kiện lại cho Công ty cổ phần H đối với Công ty cổ phần T để giải quyết trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần T phải nộp 123.310.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Hoàn trả Công ty TNHH X 61.120.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0069535 ngày 24/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

5. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần T phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0071733 ngày 10/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn